

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-PT

Ngày 01-7-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Lộc Sơn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 09/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2024/QĐ-PT ngày 03-6-2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 05/2024/QĐ-PT ngày 17-6-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn L. Cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Chị Hứa Thị B. Cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn S; vắng mặt.

2. Bà Long Thị T; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Người kháng cáo: Chị Hứa Thị B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Hoàng Văn L và chị Hứa Thị B được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn lần đầu vào năm 2013. Năm 2015, anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 15/01/2015. Năm 2017, anh Hoàng Văn L và chị Hứa Thị B ly hôn theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự của Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 21/3/2020, anh Hoàng Văn L và chị Hứa Thị B quay về đoàn tụ và đăng ký kết hôn lần thứ hai tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi đoàn tụ, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Anh Hoàng Văn L trình bày: Khoảng đầu năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị Hứa Thị B còn mâu thuẫn với bố mẹ chồng và xúc phạm bố mẹ chồng. Tháng 9/2022, chị Hứa Thị B và con chuyển ra ngoài sinh sống, mặc dù nhiều lần anh đến đón nhưng chị Hứa Thị B không đồng ý quay về, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Anh Hoàng Văn L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với chị Hứa Thị B.

Về con chung: Anh Hoàng Văn L và chị Hứa Thị B có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 15/01/2015. Khi ly hôn, anh yêu cầu chị Hứa Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi; anh Hoàng Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.200.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Văn L xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Hứa Thị B trình bày: Đầu tháng 01/2022, chị và em gái chồng có xảy ra mâu thuẫn, bố mẹ chồng bên con gái nên thường xuyên đặt điều không đúng cho chị, xui anh Hoàng Văn L ly hôn với chị, khiến vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Anh Hoàng Văn L nghe lời bố mẹ, đánh đuổi chị và con ra khỏi nhà. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2022, từ khi chị cùng con chuyển đi nơi khác sinh sống, anh Hoàng Văn L không quan tâm, hỏi han hai mẹ con. Chị Hứa Thị B xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và vì con nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hiện cháu Hoàng Ngọc A đang sống cùng mẹ, trường hợp phải ly hôn, chị Hứa Thị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi; yêu cầu anh Hoàng Văn L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị Hứa Thị B yêu cầu anh Hoàng Văn L phải trả cho chị 292.000.000 đồng, bao gồm: 142.000.000 đồng là tiền chị Hứa Thị B đưa cho anh Hoàng Văn L nhiều lần để anh Hoàng Văn L trả tiền nợ xây nhà của bố mẹ (nguồn gốc số tiền 142.000.000 đồng gồm: 60.000.000 đồng là tiền chị Hứa Thị B gửi tiết kiệm tại Ngân hàng, 50.000.000 đồng là tiền chị Hứa Thị B vay của mẹ đẻ là bà Long Thị O, 32.000.000 đồng là tiền mặt chị Hứa Thị B tiết kiệm trong thời gian đi làm từ tháng 9/2018 đến tháng 5/2021) và 150.000.000 đồng là tiền chị Hứa Thị B chi tiêu cho việc ăn uống, sinh hoạt phí cho cả gia

đình chồng từ tháng 01/2020 đến tháng 8/2022 (mỗi năm 60.000.000 đồng). Chị Hứa Thị B yêu cầu anh Hoàng Văn L trả đủ 292.000.000 đồng thì sẽ đồng ý ly hôn.

Về nợ chung: Chị Hứa Thị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu phải trả cho chị Hứa Thị B số tiền 292.000.000 đồng, anh Hoàng Văn L không nhất trí, anh trình bày: Trong thời gian sống chung với nhau, chị Hứa Thị B đi làm được bao nhiêu tiền lương anh cũng không được biết; việc chi tiêu phục vụ cuộc sống chung của hai vợ chồng đều do hai bên tự nguyện, anh cũng đi làm kiếm tiền nuôi gia đình. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn, ly thân thì chị Hứa Thị B đã tự sinh hoạt ăn ở riêng. Đối với khoản tiền xây nhà, khi chị Hứa Thị B quay về đoàn tụ thì nhà đã xây xong, chị Hứa Thị B không phải đóng góp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn S, bà Long Thị T (là bố, mẹ đẻ của anh Hoàng Văn L) đều trình bày: Chị Hứa Thị B không đóng góp vào khoản tiền sinh hoạt chung của gia đình, mọi chi tiêu đều do ông bà tự lo liệu, chị Hứa Thị B không phụ giúp công việc gia đình mà tự nấu cơm ăn, ngủ, sinh hoạt riêng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 09/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Hoàng Văn L được ly hôn với chị Hứa Thị B.

Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc sau khi ly hôn: Chị Hứa Thị B có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 15/01/2015 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Hoàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh Hoàng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.200.000 đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hoàng Ngọc A trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn L không phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền cấp dưỡng chậm thì hành án (do chị Hứa Thị B không có yêu cầu).

Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Thị B về việc buộc anh Hoàng Văn L có nghĩa vụ thanh toán, hoàn trả cho chị Hứa Thị B số tiền 150.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Hoàng Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp Ngân sách nhà nước; xác nhận anh Hoàng Văn L đã nộp đủ 300.000 đồng. Chị Hứa Thị B phải chịu số tiền 7.500.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn chị Hứa Thị B kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm yêu cầu ông Hoàng Văn S, bà Long Thị T và anh Hoàng Văn L cùng có trách nhiệm trả cho bà Hứa Thị B số tiền 150.000.000 đồng vì cho rằng đây là số tiền bà Hứa Thị B vay của bố mẹ đẻ là ông Hứa Văn K và bà Long Thị O để trả nợ tiền làm nhà của gia đình chồng; yêu cầu anh Hoàng Văn L cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị sửa Bản án sơ thẩm do có vi phạm về tố tụng, nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn chị Hứa Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo sửa đổi, bổ sung ngày 20-3-2024, cụ thể: Yêu cầu ông Hoàng Văn S, bà Long Thị T và anh Hoàng Văn L cùng có trách nhiệm trả cho chị Hứa Thị B số tiền 150.000.000 đồng; yêu cầu anh Hoàng Văn L cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, bởi: Trong thời gian chung sống vợ chồng với anh Hoàng Văn L, khi gia đình anh Hoàng Văn L nợ tiền xây nhà, bố mẹ anh Hoàng Văn L cùng anh Hoàng Văn L bảo chị Hứa Thị B vay tiền của bố mẹ đẻ của chị để trả nợ xây nhà. Chị Hứa Thị B đã vay 150.000.000 đồng của bố mẹ đẻ để đưa cho anh Hoàng Văn L trả nợ. Số tiền vay 150.000.000 đồng gồm 142.000.000 đồng là số tiền chị Hứa Thị B đã khởi kiện và được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 06-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; còn 8.000.000 đồng là tiền mẹ đẻ cho riêng chị Hứa Thị B nên trước chị chưa yêu cầu giải quyết, nay do không có khả năng tự trả nợ, số tiền 8.000.000 đồng chị Hứa Thị B cũng đã đưa cho anh Hoàng Văn L để trả nợ xây nhà, vì vậy chị Hứa Thị B kháng cáo yêu cầu anh Hoàng Văn L cùng bố mẹ anh Hoàng Văn L trả cho chị 150.000.000 đồng để trả nợ cho bố mẹ đẻ là ông Hứa Văn K và bà Long Thị O. Về cấp dưỡng nuôi con, do nhu cầu sinh hoạt phí cho con rất cao nên chị Hứa Thị B yêu cầu tăng mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Chị Hứa Thị B nhất trí với nội dung kháng nghị.

Nguyên đơn anh Hoàng Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của chị Hứa Thị B do yêu cầu của chị Hứa Thị B là không đúng, không phù hợp; không có ý kiến gì đối với kháng nghị của Viện kiểm sát.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên nội dung kháng nghị, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham

gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị:

Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu anh Hoàng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đồng/tháng, xét thấy anh Hoàng Văn L không có công việc, thu nhập ổn định, công việc chính là làm ruộng, mức thu nhập thấp khoảng 2.000.000đồng/tháng, ngoài làm ruộng anh Hoàng Văn L không có nghề nghiệp nào khác, bản thân anh còn phải chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ già, trong đó mẹ anh Hoàng Văn L bị tàn tật, bố mẹ anh Hoàng Văn L đều không có lương hưu, không có thu nhập nào khác. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Hoàng Văn L, chị Hứa Thị B đã nhất trí thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.200.000đồng/tháng, đã đảm bảo cao hơn $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Mặt khác, chị Hứa Thị B kháng cáo yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ nuôi con chung với số tiền 2.000.000đồng/tháng, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện mức chi phí thực tế để nuôi dưỡng con chung. Do đó, mức cấp dưỡng mà các đương sự thỏa thuận với nhau ở cấp sơ thẩm là 1.200.000đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu Hoàng Ngọc A và thu nhập, khả năng thực tế của anh Hoàng Văn L, đảm bảo việc chia sẻ trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, phù hợp với Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

Đối với kháng cáo của chị Hứa Thị B yêu cầu ông Hoàng Văn S, bà Long Thị T và anh Hoàng Văn L cùng có trách nhiệm trả cho chị Hứa Thị B số tiền 150.000.000 đồng, vì cho rằng đây là số tiền chị Hứa Thị B vay của bố mẹ đẻ là ông Hứa Văn K, bà Long Thị O để trả nợ tiền làm nhà của gia đình chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Hứa Thị B trình bày đây là số tiền 142.000.000 đồng đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 06-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, Bản án này đã không chấp nhận yêu cầu của chị, chị không có kháng cáo nhưng nay chị vẫn tiếp tục yêu cầu anh Hoàng Văn L và bố mẹ anh Hoàng Văn L phải trả 142.000.000 đồng; còn 8.000.000 đồng là số tiền chị Hứa Thị B vay của mẹ chị là bà Long Thị O để đưa cho gia đình anh Hoàng Văn L trả nợ tiền làm nhà nhưng không có tài liệu chứng minh. Thấy rằng, đối với số tiền 142.000.000 đồng đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 06-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng có hiệu lực pháp luật, cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết số tiền này nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét; đối với số tiền 8.000.000 đồng, số tiền này cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thụ lý giải quyết yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, chưa thụ lý yêu cầu độc lập của ông Hứa Văn K, bà Long Thị O về giải quyết nợ chung nên không có cơ sở xem xét. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cả nguyên đơn và bị

đơn đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thụ lý giải quyết về tài sản chung, nhưng trong phần nhận định [8] Bản án sơ thẩm lại cho rằng chị Hứa Thị B yêu cầu chia tài sản và tại mục 3 phần quyết định của Bản án sơ thẩm về tài sản chung lại tuyên không chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Thị B là mâu thuẫn, vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ theo Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu giải quyết đối với số tiền 292.000.000 đồng (tiền công sức đóng góp, trả nợ xây nhà, chi tiêu sinh hoạt hằng ngày). Tại phần nhận định [1], Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đây không phải yêu cầu phản tố mà là quan hệ phái sinh khi giải quyết vụ án ly hôn nên không cần thiết phải thụ lý bổ sung mà trực tiếp xem xét, giải quyết yêu cầu trong cùng vụ án ly hôn nên đã không yêu cầu chị Hứa Thị B nộp tạm ứng án phí, cũng không thụ lý yêu cầu này nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại giải quyết và tuyên không chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Thị B là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 146, Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm xác định chị Hứa Thị B là bị đơn, không có yêu cầu phản tố, số tiền 150.000.000 đồng cũng không phải là tài sản chung vợ chồng mà chị Hứa Thị B được chia khi ly hôn, nhưng Bản án sơ thẩm lại buộc chị Hứa Thị B phải chịu 7.500.000 đồng án phí có giá ngạch đối với yêu cầu thanh toán số tiền 150.000.000 đồng không được chấp nhận là không đúng quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Do đó, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị sửa Bản án sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Hứa Thị B về việc yêu cầu anh Hoàng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2024/HNGĐ-ST ngày 05-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn chị Hứa Thị B không phải chịu án phí phúc thẩm. Về án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo thông báo thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu của nguyên đơn anh Hoàng Văn L về quan hệ hôn nhân và con chung; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có. Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 12/01/2024, anh Hoàng Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; chị Hứa Thị B không nhất trí ly hôn và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/ tháng nên không thống nhất được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Về tài sản chung, anh Hoàng Văn L và chị Hứa Thị B đều không

yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung, điều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hứa Thị B có yêu cầu anh Hoàng Văn L phải trả cho chị 292.000.000 đồng là tiền đóng góp trả nợ xây nhà và tiền ăn uống chi phí sinh hoạt cho gia đình chồng, Bản án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản (thanh toán tiền công sức đóng góp – chi phí sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình) khi ly hôn” và tại mục [1] phần nhận định của Bản án sơ thẩm nhận định bị đơn yêu cầu nguyên đơn thanh toán 292.000.000 đồng là “quan hệ phái sinh khi giải quyết một vụ án ly hôn” là chưa chính xác. Yêu cầu thanh toán tiền công sức đóng góp, chi phí sinh hoạt, chi tiêu trong gia đình là yêu cầu giải quyết về tài sản chung, đương sự có quyền yêu cầu Toà án giải quyết trong cùng một vụ án hôn nhân và gia đình. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

[2] Xét kháng cáo của chị Hứa Thị B về yêu cầu anh Hoàng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, thấy rằng:

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*”. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận mức cấp dưỡng là 1.200.000 đồng/tháng. Xét thấy, anh Hoàng Văn L hiện đang làm ruộng, không có công việc gì khác, thu nhập trung bình 2.000.000 đồng/tháng; còn chị Hứa Thị B hiện đang làm giáo viên tại Trường tiểu học xã Đồng Tiến, thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/ tháng; trong khi đó mức lương cơ sở Nhà nước quy định hiện nay là 1.800.000đồng/ tháng. Xét thấy, mức cấp dưỡng 1.200.000 đồng/tháng là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh Hoàng Văn L, mặt khác anh Hoàng Văn L còn phải chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ già, mẹ anh Hoàng Văn L bị tàn tật và bố mẹ anh Hoàng Văn L đều không có lương hưu, không có thu nhập nào khác. Chị Hứa Thị B yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con do chi phí nuôi con rất cao, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện về mức chi phí thực tế để nuôi dưỡng con theo như chị Hứa Thị B trình bày. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Hứa Thị B yêu cầu anh Hoàng Văn L cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Tại phiên toà chị Bay đề nghị Toà án buộc anh Lý phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét kháng cáo của chị Hứa Thị B về yêu cầu ông Hoàng Văn S, bà Long Thị T và anh Hoàng Văn L cùng có trách nhiệm trả cho chị Hứa Thị B số tiền trả nợ tiền làm nhà là 150.000.000 đồng, thấy rằng:

[5] Chị Hứa Thị B trình bày số tiền 150.000.000 đồng là tiền chị vay của bố mẹ đẻ là ông Hứa Văn K và bà Long Thị O để trả tiền nợ làm nhà của gia đình chồng, chị Hứa Thị B nộp kèm theo đơn kháng cáo 01 bản tự khai của ông Hứa Văn K đề ngày 03-8-2022 về việc vợ chồng ông Hứa Văn K cho chị Hứa

Thị B vay 50.000.000 đồng và 01 giấy ghi nợ của bà Long Thị O ngày 10-6-2020 về việc bà Long Thị O cho chị Hứa Thị B vay 100.000.000 đồng để chứng minh cho trình bày của mình.

[6] Tại phiên toà phúc thẩm, chị Hứa Thị B xác định rõ: Số tiền vay 150.000.000 đồng chị vay của bố mẹ đẻ gồm: 142.000.000 đồng là số tiền chị Hứa Thị B đã khởi kiện và được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 06-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; còn 8.000.000 đồng là tiền mẹ đẻ cho riêng chị nên trước đây chị chưa yêu cầu giải quyết, nay do không có khả năng tự trả nợ, số tiền 8.000.000 đồng chị Hứa Thị B cũng đã đưa cho anh Hoàng Văn L để trả nợ xây nhà, vì vậy chị Hứa Thị B kháng cáo yêu cầu anh Hoàng Văn L cùng bố mẹ anh Hoàng Văn L trả cho chị 150.000.000 đồng để trả nợ cho bố mẹ đẻ là ông Hứa Văn K và bà Long Thị O. Xét thấy, số tiền 142.000.000 đồng đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 06-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng có hiệu lực pháp luật, tại phiên toà phúc thẩm đã làm rõ chị Hứa Thị B không có căn cứ, tài liệu mới so của vụ án trước, cấp sơ thẩm cũng không xem xét giải quyết số tiền này, vì vậy cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu giải quyết số tiền 142.000.000 đồng. Đối với số tiền 8.000.000 đồng, số tiền này chị Hứa Thị B mới phát sinh yêu cầu sau khi xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm cũng chưa thụ lý giải quyết yêu cầu này, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều xác định nợ chung là không có, do đó cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tại điểm b khoản 5 Điều 27 quy định: *“b) Các đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp về việc chia tài sản chung của vợ chồng thì ngoài việc chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết này, còn phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia”* và tại điểm a khoản 7 Điều 27 quy định: *“Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.”* Do đó, trong trường hợp này, yêu cầu chia tài sản chung của chị Hứa Thị B không được chấp nhận, chị Hứa Thị B không được hưởng tài sản gì nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Hứa Thị B phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là chưa chính xác. Do đó, cấp phúc thẩm cần sửa Bản án sơ thẩm về nội dung này. Đối với anh Hoàng Văn L, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Hoàng Văn L phải chịu

600.000 đồng án phí sơ thẩm gồm 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Hoàng Văn L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004553 ngày 01-11-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; anh Hoàng Văn L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

[8] Từ những phân tích trên, cấp phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bị đơn chị Hứa Thị B là không có căn cứ chấp nhận, xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ chấp nhận, do đó cần sửa Bản án sơ thẩm theo những nội dung đã phân tích trên.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo chị Hứa Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị Hứa Thị B đã nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 0004672 ngày 22-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Chị Hứa Thị B được trả lại 300.000 đồng.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Hứa Thị B, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2024/HNGĐ-ST ngày 05-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn L được ly hôn với chị Hứa Thị B (*Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 21-3-2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc sau khi ly hôn:

Chị Hứa Thị B có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 15-01-2015 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Hoàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh Hoàng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Hoàng Ngọc A với số tiền 1.200.000 đồng/tháng; thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hoàng Ngọc A trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn L còn phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền cấp dưỡng chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Thị B về việc buộc anh Hoàng Văn L có nghĩa vụ thanh toán, hoàn trả cho chị Hứa Thị B số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí sơ thẩm:

Anh Hoàng Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 01-11-2023, anh Hoàng Văn L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004553 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; anh Hoàng Văn L còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Chị Hứa Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Về án phí phúc thẩm:

Chị Hứa Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị Hứa Thị B 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 0004672 ngày 22-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. H, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuệ